

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2022

“V/v Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L - TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phụng
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Văn Huỳnh
2. Ông Nguyễn Văn Ba
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Linh Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 99/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 38, khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Chị Trịnh Thị Mỹ T, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 02 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:*

Anh và chị T tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 1994, sống đến nay không có đăng ký kết hôn. Chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau, chị T không quan tâm chăm sóc cho gia đình. Tháng 11/2021, chị T bỏ về nhà mẹ ruột tại xã B, vợ chồng sống ly thân đến nay. Nay anh H xác định không còn tình cảm với chị T, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Minh C, sinh năm 1996 và cháu Nguyễn Minh C, sinh năm 1998. Các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 23 tháng 3 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trịnh Thị Kiều T trình bày:

Chị xác định anh H trình bày về thời gian kết hôn như trên là đúng. Chị và anh H sống chung với nhau vào năm 1995 nhưng không tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn do không hiểu biết pháp luật và bận lao động sinh sống nên không đi đăng ký kết hôn.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị gây nợ nần nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tôn trọng nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh H, anh H yêu cầu ly hôn chị đồng ý.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Minh C, sinh năm 1996 và cháu Nguyễn Minh C, sinh năm 1998. Các cháu đã trưởng thành nên chị không yêu cầu xem xét.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Ý kiến Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Anh H, chị T chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn, đề nghị HĐXX áp dụng Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Luật hôn nhân gia đình năm 2000, Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao không công nhận vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn H và chị Trịnh Thị Mỹ T. Về con chung: Cháu Nguyễn Minh C và Nguyễn Minh C đã trưởng thành nên không xem xét. Tài sản chung, nợ chung: không xét. Án phí dân sự sơ thẩm anh H phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T đều khai thống nhất về hoàn cảnh xây dựng gia đình và không đăng ký kết hôn. Vì vậy, căn cứ Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 11, Điều 87 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn H và chị Trịnh Thị Mỹ T.

[2]. Về con chung: Cháu Nguyễn Minh C, sinh năm 1996 và cháu Nguyễn Minh C, sinh năm 1998.

Hiện cháu Cường và cháu Chiến đã trưởng thành nên không xét.

[3]. Về tài sản chung: Anh H, chị T trình bày không có nên không xét.

[4]. Về nợ chung: Anh H, chị T khai không có nên không xét.

[5]. Về án phí: Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 131 và các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ Điều 11, Điều 87 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình Việt Nam năm 1986.

Căn cứ Điểm b Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn H và chị Trịnh Thị Mỹ T.

Về con chung: Cháu Nguyễn Minh C, sinh năm 1996 và cháu Nguyễn Minh C, sinh năm 1998 đã trưởng thành nên không xét.

Tài sản chung, nợ chung: Không xét.

Về án phí: Chị Trần Thị Ngân phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005307 ngày 18/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Anh H đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Văn H, chị Trịnh Thị Mỹ T được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND h. L (1);
- Chi cục THADS h. L (1);
- Đường sự (2);
- Lưu (3).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phụng